

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lý

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thiện Lợi

Ông Phạm Đức Toàn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/7/2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn C, xã D, huyện T, tỉnh T.

**Bị đơn:** Anh Trương Văn D, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Số nhà 293, đường L, tổ 11, phường H, thành phố T, tỉnh T.

*(Chị Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trương Văn D vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh Trương Văn D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh T. Vợ chồng chung sống được hơn một tháng thì phát sinh mâu thuẫn do anh D

thường xuyên vắng nhà, không phụ giúp cho gia đình, cò bạc, không chung thủy, đánh chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2021, không còn quan tâm đến nhau. Đến nay chị H xác định không còn tình cảm với anh D, không thể đoàn tụ để tiếp tục chung sống với nhau được nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Trương Văn D.

Về con chung: Chị và anh Trương Văn D không có con chung.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, anh Trương Văn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến làm việc theo các giấy báo của Tòa án.

Ông Trương Văn G, sinh năm 1951, cư trú tại: Số nhà 293, đường, tổ 11, phường H, thành phố T, tỉnh T (là bố đẻ anh Trương Văn D) cho biết: Sau khi kết hôn, chị Lê Thị H và anh Trương Văn D chung sống cùng gia đình ông tại tổ 11, phường H, thành phố T. Vợ chồng chị H, anh D chung sống được hơn một tháng thì phát sinh mâu thuẫn, do chị H hay ghen và mối quan hệ giữa chị H và con riêng của anh D không tốt. Sau một thời gian chung sống thì chị H và anh D sống ly thân, anh D đi làm ở V nhưng ông không biết địa chỉ cụ thể, anh D thường xuyên liên lạc về nhà bằng điện thoại. Ông đã thông báo cho anh D về việc Tòa án thụ lý đơn xin ly hôn của chị H và nội dung các văn bản Tòa án gửi về, quan điểm của anh D là đồng ý ly hôn với chị H, vợ chồng không có con chung, chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản nên anh D không có ý kiến gì. Vì tình hình dịch bệnh phức tạp nên anh D không đến Tòa án làm việc được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt.

Đại diện chính quyền địa phương nơi chị Lê Thị H và anh Trương Văn D chung sống, cung cấp nội dung như sau: Chị Lê Thị H và anh Trương Văn D có đăng ký kết hôn tại UBND phường H vào ngày 29/10/2019. Sau khi kết hôn, chị H và anh D chung sống tại tổ 11, phường H, thành phố T, tỉnh T. Chị H, anh D chung sống được hơn 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi. Chị H xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Trương Văn D. Chị H và anh D không có

con chung nên không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **- Về thủ tục tố tụng:**

[1] Chị Lê Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Trương Văn D có hộ khẩu thường trú tại phường H, thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trương Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

#### **- Về nội dung vụ án:**

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Trương Văn D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh D chung sống được hơn 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị H và anh D đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau, đời sống vợ chồng trên thực tế không tồn tại. Khi biết chị H xin ly hôn, anh D không về gặp gỡ hay liên lạc với chị H để hòa giải, đồng thời cũng không làm việc với Tòa án theo giấy báo, điều này thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, chứng tỏ tình cảm giữa anh chị không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị H và anh Trương Văn D không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu giải quyết, Tòa án không ghi được lời khai của anh Trương Văn D, do vậy về quan hệ tài sản không giải quyết trong vụ án này.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Trương Văn D.

**2. Về quan hệ con chung:** Không đặt ra giải quyết.

**3. Về quan hệ tài sản:** Không đặt ra giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000280 ngày 29/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành án phí.

Chị Lê Thị H, anh Trương Văn D vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND phường H, TP T, tỉnh T; ĐKKH ngày 29/10/2019)
- Lưu: hồ sơ, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Lý**